TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHI SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-06-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hường - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 06 năm 2022, tại hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/04/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc H - Sinh năm: 1965

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Ch - Sinh năm: 1964

Đều có địa chỉ: Thôn Hà Tân, xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt bà C, vắng mặt ông H (ông H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/04/2022 và bản tự khai ông Bùi Ngọc H trình bày:

Ông và bà C tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi cưới cả 2 vợ chồng đều làm nghề tự do.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không thể hòa hợp, cuộc sống

hôn nhân không cải thiện được. Từ đầu năm 2020 vợ chồng sống ly thân nhau, ai lo phận người đó. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của ông xin được ly hôn với bà Chọn

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa Bà Vũ Thị Ch trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi cưới cả 2 vợ chồng đều làm nghề tự do.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, không hạnh phúc, ông H có tính trai gái, lô đề, bài bạc. Có lần ông H đem gái về nhà. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không cải thiện được. Từ tháng 10/2020 vợ chồng sống ly thân nhau, ai lo phận người đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu ông H làm đơn xin ly hôn thì bà cũng hoàn toàn nhất trí.

2. Về con chung: Cả ông H và bà Ch đều thống nhất có 03 con chung là:

Bùi Thị T – Sinh ngày: 20/11/1992

Bùi Thị Ch – Sinh ngày: 19/06/1993

Bùi Văn C – Sinh ngày: 07/03/1995

Các cháu hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Cả ông H và bà Ch thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại điện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Bùi Ngọc H và Bà Vũ Thị Ch là vợ chồng.

- Về con chung: Cả ông H và bà Ch đều thống nhất có 03 con chung là:

Bùi Thị Th – Sinh ngày: 20/11/1992

Bùi Thị Ch – Sinh ngày: 19/06/1993

Bùi Văn C – Sinh ngày: 07/03/1995

Các cháu hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết , do đó đề nghị HĐXX không xem xét

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Ông Bùi Ngọc H không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bà Vũ Thị Ch có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Ch là hôn nhân bất hợp pháp. Bởi lẽ, theo lời khai của ông H và bà Ch thì ông, bà tự nguyện tìm hiểu, và chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Biên bản xác minh ngày 27/04/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn tại UBND xã Hải Hà ở phần kết quả xác minh thể hiện: Hồ sơ lưu trữ của UBND xã Hải Hà không thể hiện ông Bùi Ngọc H và Bà Vũ Thị Ch có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

Do đó cho đến thời điểm xét xử, không có tài liệu nào chứng minh việc Ông Bùi Ngọc H và Bà Vũ Thị Ch có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống cả hai đều thừa nhận sau khi cưới vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Theo bà C ngoài nguyên nhân nói trên thì ông H còn có tính trai gái, lô đề, bài bạc. Có lần ông H đem gái về nhà. Cả ông H và bà C thừa nhận từ tháng 10/2020 vợ chồng sống ly thân nhau, ai lo phận người đó. Nay cả ông H và bà C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Từ những căn cứ trên, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, không công nhận ông H và bà C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cả ông H và bà C đều thống nhất có 03 con chung là:

Bùi Thị Th – Sinh ngày: 20/11/1992

Bùi Thị Ch – Sinh ngày: 19/06/1993

Bùi Văn C – Sinh ngày: 07/03/1995

Các cháu hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Cả ông H và bà Ch thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, ông H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận Ông Bùi Ngọc H và Bà Vũ Thị Ch là vợ chồng.

- Án phí: Ông Bùi Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012109 ngày 15/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Ông H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Bà Ch, vắng mặt ông H tại phiên tòa. Tuyên bố bà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng **Lê Văn Tấn** **Lê Thị Hạnh**